

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/5/2021.

Về việc: “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Lập

2. Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 188/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 2004 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Số 4, xã Mỹ Thuận, huyện HĐ, tỉnh KG..

2/ Bị đơn: Anh **Huỳnh Vũ L**, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Sơn Tiến, thị trấn Sóc Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG..

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày như sau:**

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì chị N và anh L được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào tháng 3 năm 2020 nhưng anh chị không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống với nhau vui hạnh phúc, tuy N đến cuối năm 2020 chị N phát hiện

anh L có hành vi trái pháp luật với em gái của mình, chị N không chấp nhận được việc này nên nộp đơn đến Tòa án yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Vũ L.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị N xác nhận chị và anh L có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Vy, sinh ngày 19/9/2020. Ly hôn chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N xác nhận quá trình chung sống chị và anh L, không có tài sản chung, không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 12/5/2021 bị đơn anh Huỳnh Vũ L trình bày như sau:*

Anh L và chị N sau thời gian tự tìm hiểu, yêu thương nhau nên được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào khoảng tháng 3/2020 (không nhớ ngày). Do thời điểm đám cưới thì cả hai chưa đủ tuổi kết hôn nên chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy N đến cuối năm 2020 anh L có hành vi giao cấu với em gái của chị N nên chị N không chấp nhận việc này và nộp đơn ly hôn với anh, việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý. Quá trình chung sống anh L xác nhận anh và chị N có một người con chung Nguyễn Ngọc Bảo Vy, sinh ngày 19/9/2020. Ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con thì anh L cũng đồng ý giao, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L xác nhận anh và chị N không tạo lập được tài sản chung, không có nợ ai. Anh L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, do anh phải đi chấp hành án và đồng ý để Tòa án đưa vụ án ra giải quyết sớm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Vũ L. Anh L cư trú tại khu phố Sơn Tiến, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Vũ L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị N và anh L đều trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng thì anh chị chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh L đều xác định anh chị có một người con chung tên chung Nguyễn Ngọc Bảo Vy, sinh ngày 19/9/2020, hiện chị N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, tại biên bản ghi lời khai anh L đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Do đó HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Vy, sinh ngày 19/9/2020 cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N trình bày đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 14, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Huỳnh Vũ L là vợ chồng.

2/. Về con chung : Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh L. Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Vy, sinh ngày 19/9/2020 cho chị Nguyễn Thị Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Huỳnh Vũ L được quyền đến thăm nom con , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về cấp dưỡng: Do chị N không yêu cầu nên miễn xét.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003118 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang . Theo đó chị N đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An